

Bản án số: 170/2021/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 6 - 2021

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc

Bà Nguyễn Huỳnh Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/03/2021 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2021/QĐ-ST ngày 25/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn P, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/03/2021 và lời trình bày nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện:

- Về hôn nhân: Vào năm 2012 chị T và anh P tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Tại giấy chứng nhận kết hôn số: 110/2012 ngày 25/6/2012). Thời kỳ chung sống giữa chị T và anh P có 01 con chung tên Võ Duy Khang, sinh ngày 11/8/2012, con hiện sống với anh P.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Đồng ý để cho anh P nuôi cháu Khang, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn 2 lần để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là “Ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc “Ly hôn và nuôi con”, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ 2 mà không có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị T và anh P không làm được điều đó mà lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, chị T đã xác định không thể hàn gắn được, cả hai bên đều không có thiện chí hàn gắn trở lại và chị T thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với anh P. Hơn nữa Tòa án đã triệu tập anh P để hòa giải và xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt, như vậy xác định anh P không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị T. Do đó xác định chị T và anh P đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nên chấp nhận cho ly hôn giữa chị T và anh P là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Chị T và anh P chung sống có 1 con chung là cháu Võ Duy Khang, sinh ngày 11/8/2012 con hiện sống với anh P. Theo biên bản ghi nhận ý kiến thì cháu Khang

có nguyện vọng sống với anh P và theo đơn khởi kiện chị T cũng thống nhất để cháu Khang cho anh P nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu Khang có nguyện vọng sống với anh P, chị T cũng đồng ý giao cháu Khang cho anh P nuôi dạy. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh P biết việc yêu cầu khởi kiện của chị T, nhưng anh P không có ý kiến gì về việc ly hôn và nuôi con. Do đó, chấp nhận giao cháu Khang cho anh P nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này và chị T phải tôn trọng quyền của cháu Khang được sống với anh P là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về yêu cầu cấp dưỡng*: Anh P không có yêu cầu chị T cấp dưỡng và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Xét về tài sản chung và nợ chung*: Chị T cho rằng tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình thụ lý vụ án không ghi nhận ý kiến của anh P nên chưa xác định được tài sản và nợ chung của vợ chồng, do đó cần tách phần tài sản ra nếu sau này anh P có yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] *Xét về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị T.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Võ Văn P.

- Về con chung: Giao anh Võ Văn P nuôi dạy cháu Võ Duy Khang, sinh ngày 11/8/2012; Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng chị T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này và chị T phải tôn trọng quyền của con được sống với anh P.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004804 ngày 25/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo vắng mặt trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Từ Thanh Nhung